

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 27-02-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 151/2024/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn L, sinh năm 1994; tại tỉnh Bạc Liêu, hộ khẩu thường trú: Tổ E, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1959 và bà Lý Hồng S1 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Kiều C, sinh năm 1989, có 01 người con.

Tiền án:

- Ngày 19/3/2013, bị TAND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 18/2013/HS-ST, đã chấp hành xong ngày 16/7/2013; đã đóng án phí HSST ngày 15/6/2013.

- Ngày 26/5/2014, bị TAND thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 43/2014/HS-ST, đã chấp hành xong ngày 21/5/2015; đã đóng án phí HSST ngày 21/11/2017.

- Ngày 18/4/2017, bị TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù theo Bản án số 18/2017/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/5/2017, bị TAND huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 04 năm tù theo Bản án số 55/2017/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt theo Bản án số 18/2017/HS-ST của TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt chung bị cáo L phải chấp hành là 07 năm 06 tháng tù.

- Ngày 19/7/2017, bị TAND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm tù theo Bản án số 28/2017/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt theo Bản án số 55/2017/HS-ST của TAND huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, hình phạt chung bị cáo L phải chấp hành là 08 năm 06 tháng tù, đã chấp hành xong ngày 16/7/2023; đã đóng án phí HSST ngày 19/3/2019.

Tiền sự: Không.

Ngày 24/8/2024, bị bắt, tạm giữ, tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Trần Hữu T, sinh năm 1992; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; hộ khẩu thường trú: Tổ B, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Tô Thị T2, sinh năm 1996, có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/4/2017, bị TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù theo Bản án số 18/2017/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/5/2017, bị TAND huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 02 năm tù theo Bản án số 55/2017/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt theo Bản án số 18/2017/HS-ST của TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt chung bị cáo T phải chấp hành là 5 năm tù, đã chấp hành xong ngày 16/9/2020; đã đóng án phí HSST ngày 03/7/2017 và ngày 14/7/2017.

Ngày 24/8/2024, bị bắt, tạm giữ, tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Trần Văn S2, sinh năm 1992, nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Ông Phan Thành P, sinh năm 1974, nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Trần T1, sinh năm 1963, nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

+ Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1995, nơi cư trú: khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu T và Nguyễn L có quan hệ là bạn bè quen biết, cả hai cùng thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt lần lượt 05 năm tù và 08 năm 06 tháng tù. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, Trần Hữu T và Nguyễn L tiếp tục liên lạc với nhau và rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Hành vi của Trần Hữu T và Nguyễn L thể hiện như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 00 ngày 17/8/2024, Trần Hữu T gọi điện thoại cho Nguyễn L rủ L đi trộm cắp tài sản, L đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày thì T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh đen, cốp bệ (xe T mua lại để đi rầy, không nhớ biển số) đến chỗ L thuê trọ để rủ L. Sau đó, L điều khiển xe mô tô của T còn T ngồi phía sau chỉ đường đi tìm nhà người dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Theo sự hướng dẫn của T, L chở T di chuyển về huyện B rồi di chuyển dọc Quốc lộ A hướng về Trung tâm hành chính huyện B trong quá trình di chuyển trên đường Q, đoạn qua khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì 02 đối tượng rẽ vào đường ĐT749C (ngay ngã ba C) thì thấy có nhà ông Trần Văn S2, sinh năm 1992 tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương không có hàng rào nên T bảo L dừng lại để T đột nhập vào nhà tìm tài sản trộm cắp. T đi bộ về hướng nhà bị hại còn L chạy xe lại ngã ba đèn xanh đèn đỏ gần đó đứng canh giới. T vào sân nhà, lấy 01 thang tre dựng và leo lên tầng 1 của căn nhà, sau đó T di chuyển, lục tìm trong các phòng và lấy trộm được 04 điện thoại di động (01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 15 promax 256GB, màu Titan tự nhiên; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 14 promax 256GB, màu Tím; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 promax 256GB, màu xanh dương và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung màu đen), lục ví tiền lấy được 600.000 đồng tiền mặt, sau đó T mở cửa chính ở tầng trệt, đi bộ ra vị trí L đứng chờ và lên xe của L, cả hai đi theo đường cũ về Bình Phước. Trên đường về L có hỏi T thì T bảo có trộm được tài sản của bị hại và đưa cho L 04 điện thoại trên, khoảng 300.000 đồng tiền mặt gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau là tài sản trộm được, T bảo L mang đi tiêu thụ 04 điện thoại vừa trộm được.

Khoảng 06 giờ 00 ngày 17/8/2024, L sử dụng điện thoại hiệu OPPO F7 màu đen của mình lên mạng để tìm nguồn tiêu thụ 04 điện thoại vừa trộm được và bán cho 01 người không rõ nhân thân, lai lịch tại lô cao su thuộc huyện Đ, tỉnh Bình Phước (không nhớ chính xác vị trí nào) được 14.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ 30 ngày 17/8/2024, L hẹn T đến phòng trọ của L tại tổ E, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và đưa cho T 7.000.000 đồng tiền mặt là tiền L vừa bán được 04 điện thoại mà L và T vừa trộm được lúc rạng sáng cùng ngày.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 22/8/2024, T tiếp tục gọi điện rủ L đi trộm cắp tài sản, lần này T điều khiển xe mô tô biển số 93P2 - 683.62 hiệu

Honda Blade, màu đỏ đen chờ Lụa để đi lên huyện B tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng hơn 03 giờ cùng ngày khi đi đến nhà ông Phan Thành P, sinh năm 1974, nằm mặt tiền đường Q, thuộc khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì T dừng xe, L đứng ngoài cảnh giới còn T trực tiếp leo qua hàng rào sau đó đi vào khu vực sân nhà. T quan sát thấy cửa sổ nhà bếp là dạng cửa nhôm kính xifa, nên đã đẩy mở cửa ra, sau đó T leo và chui vào bên trong nhà, tại đây T quan sát trên bàn có 01 ví màu xanh, T đã lấy và đi ra trước hiên nhà lục soát lấy được số tiền khoảng 600.000 đồng và bỏ ví tại cột trước hiên nhà, rồi tiếp tục đi vào bên trong nhà. T tiếp tục leo lên tầng 1 để tìm tài sản trộm cắp thì nghe tiếng động tại phòng ngủ, nghĩ là chủ nhà thức dậy nên T đã nhanh chóng bỏ chạy khỏi hiên trường, đi ra phía bên ngoài đường nơi L đang chờ sẵn và lên xe cả hai cùng về lại tỉnh Bình Phước. Số tiền T, Lụa có được từ hành vi trộm cắp tài sản T và L đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/8/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Yêu cầu định giá tài sản số: 850/YC-ĐTTH yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá 04 điện thoại di động mà Trần Hữu T và Nguyễn L chiếm đoạt của ông Trần Văn S2. Ngày 28/8/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện B có kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐĐGTS về việc định giá 04 điện thoại di động gồm 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 15 promax 256GB, màu Titan tự nhiên (đã qua sử dụng) có giá 22.000.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 14 promax 256GB, màu Tím (đã qua sử dụng) có giá 15.000.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 promax 256GB, màu xanh dương (đã qua sử dụng) có giá 5.000.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung màu đen (đã qua sử dụng) có giá 1.300.000 đồng. Tổng giá trị là 43.300.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng).

Bản Cáo trạng số 140/CT-VKS-BB ngày 29/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố:

Bị cáo Trần Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn L và Trần Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

- Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Lụa M hình phạt từ 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng đến 3 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu T mức hình phạt từ 1 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 2 (hai) tù về tội Trộm cắp tài sản.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Redsun, màu đen của Trần Hữu T và 01 điện thoại di động Masstel màu đen của Nguyễn Lua . Đây là điện thoại di động mà T, L sử dụng để liên lạc với nhau qua trong lúc thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn L và Trần Hữu T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn S2 số tiền 21.900.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng, kết luận điều tra và không tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về lo cho gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Các bị cáo Nguyễn L và Trần Hữu T đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17/8/2024, tại nhà Trần Văn S2 thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 điện thoại di động (01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 15 promax 256GB, màu Titan tự nhiên; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 14 promax 256GB, màu Tím; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 promax 256GB, màu xanh dương và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung màu đen), lục ví tiền lấy được 600.000 đồng tiền mặt của Trần Văn S2. Theo kết quả định giá 04 điện thoại di động nêu trên là 43.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Hữu T và Nguyễn L chiếm đoạt của bị hại ông S2 là 43.900.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 02 giờ ngày 22/8/2024, tại nhà bị hại Nguyễn Thành P1 thuộc đường Q, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 600.000 đồng của Phan Thành P.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt trong 02 lần là 44.500.000 đồng.

Các bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản (T 02 lần, L 05 lần), bị cáo T đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Bị cáo L đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm nguy hiểm và là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 140/CT-VKS-BB ngày 29/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo T theo khoản 1 Điều 173 và bị cáo L theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi, bị cáo L với vai trò cảnh giới, là người giúp sức cho bị cáo T thực hiện. Vì tham lam, để có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, các bị cáo đã nhiều lần lợi dụng lúc đêm khuya hoặc gần sáng vắng người, lợi dụng các bị hại đang ngủ để cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại S2 và P. Hành vi phạm tội của các bị cáo là liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần về tội trộm cắp tài sản phải lấy đó làm bài học, nhưng các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều này thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật, không muốn cải tạo trở thành người công dân lương thiện và có ích cho xã hội. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo thuộc trường hợp được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo T đã tích cực tác động gia đình bị cáo (em trai) bồi thường thiệt hại cho bị hại S2, bị hại S2 cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo L phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo T, tại Bản án hình sự số 55/2017/HS-ST ngày 25/5/2017 của TAND huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù, tổng hợp hình phạt theo Bản án số 18/2017/HS-ST của TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, hình phạt chung bị cáo T phải chấp hành là 05 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong ngày 16/9/2020; đã đóng án phí ngày 03/7/2017 và ngày 14/7/2017 nhưng chưa bồi thường dân sự cho các bị hại theo bản án nêu trên. Căn cứ Biên bản xác minh về việc xác minh án phí dân sự và các phần dân sự trong bản án của Trần Hữu T ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xác định: Các phần bồi thường này do các bị hại chưa có đơn yêu cầu nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài chưa thi hành. Như vậy, đến nay thời hiệu thi hành án đối với yêu cầu bồi thường dân sự của các bị hại đã hết, trường hợp hết thời hiệu thi hành án là một trong những trường hợp Cơ quan thi hành án từ chối yêu cầu thi hành án. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 5 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự để xem xét thỏa mãn điều kiện hết thời hiệu thi hành án, bị cáo được đương nhiên xóa án tích nên không áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm đối với bị cáo T.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 04 điện thoại di động bị cáo T, L đã chiếm đoạt của ông Trần Văn S2 không thu hồi được, 01 xe mô tô không rõ biển số T, L sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản ngày 17/8/2024 đã bị mất không thu hồi được.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen biển số 93P2 – 683.62, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu ông Trần T1 là đúng quy định nên không đặt ra xem xét.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redsun, màu đen của Trần Hữu T và 01 điện thoại di động Masstel màu đen của Nguyễn Lua . Đây là điện thoại di động mà T, L sử dụng để liên lạc với nhau qua trong lúc thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trần Văn S2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 43.900.000 đồng. Ông Trần Hữu Đ (là em trai của bị cáo Trần Hữu T) đã bồi thường cho ông S2 số tiền 22.000.000 đồng theo biên bản bồi thường ngày 27/11/2024. Bị hại S2 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 21.900.000 đồng. Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có căn cứ buộc các bị cáo Nguyễn L và Trần Hữu T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 21.900.000 đồng cho bị hại S2.

- Bị hại Nguyễn Thành P1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 600.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Hữu Đ không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 22.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của ông P1 và ông Đ, không xem xét giải quyết đối với các số tiền này.

[7] Đối với số tiền 10.500.000 đồng (7.500.000 đồng trong ví của ông S2 và 3.000.000 đồng trong ví của bà T3 (tiền của ông S2 đưa cho vợ giữ). Quá trình điều tra, không chứng minh được các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp số tiền như bị hại trình bày nên không có căn cứ xử lý.

[8] Đối với người người không rõ nhân thân, lai lịch mua 04 điện thoại di động của L và T trộm được tại lô cao su thuộc huyện Đ, tỉnh Bình Phước chưa làm rõ được ý thức khi mua điện thoại di động của bị cáo nên điều tra xử lý sau.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Lua .

Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Hữu T.

Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn L và bị cáo Trần Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redsun, màu đen của Trần Hữu T và 01 điện thoại di động Masstel màu đen của Nguyễn Lụa .

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2024 giữa Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng) ”.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn L, bị cáo Trần Hữu T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn S2 số tiền 21.900.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Hữu T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Hữu T và bị cáo Nguyễn L liên đới chịu số tiền 1.095.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 9a của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Toà.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Cảnh